

TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH THỌ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ CHUYÊN MÔN 2 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Thọ, ngày 16 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN
TỔ 2
Năm học 2024 – 2025

Thực hiện công văn số 1962/GDDT-GDTH ngày 12/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Nha Trang về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ kế hoạch số /THVT ngày tháng năm 2023 của trường tiểu học Vĩnh Thọ về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 – 2024;

Căn cứ kết quả năm học 2023 – 2024 và tình hình thực tế của tổ, tổ 2 xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2024 – 2025, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỔ

1. Giáo viên

- Toàn tổ có 06 giáo viên, trong đó có 03 đảng viên; có 04 giáo viên chủ nhiệm các lớp 2/1, 2/2, 2/3, 2/4; 01 giáo viên bộ môn và 01 giáo viên GDTC. Tất cả giáo viên trong tổ đều có trình độ đào tạo từ Đại học trở lên; có tinh thần trách nhiệm cao, biết đoàn kết giúp đỡ nhau để hoàn thành tốt công tác được giao. Cụ thể phân công như sau:

Giáo viên chủ nhiệm lớp gồm:

- | | |
|-------------------------|-----------|
| + Nguyễn Thị Thanh Hiệp | : Lớp 2/1 |
| + Nguyễn Thị Lam Phương | : Lớp 2/2 |
| + Võ Ngọc Đông Uyên | : Lớp 2/3 |
| + Nguyễn Ngọc Thảo | : Lớp 2/4 |

Giáo viên bộ môn gồm:

- | | |
|--------------------|-------------|
| + Võ Thị Thu Vương | : GV Bộ môn |
| + Phan Trung Kiên | : GV GDTC |

a) Trình độ đào tạo

- Biên chế: 06
- Trình độ đào tạo: Đại học: 04; Thạc sĩ: 02

b) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ

- Chuyên môn khá, giỏi: 05 đạt 83,3%
- Chuyên môn khá: 01 đạt 16,7% . Chuyên môn đạt yêu cầu: 0

2. Học sinh

Sĩ số đầu năm của các lớp như sau:

- Khối 2: 165/83, cụ thể:

+ Lớp 2/1: 42/22

+ Lớp 2/2: 43/20

+ Lớp 2/3: 40/20

+ Lớp 2/4: 40/21

- Học sinh học được học 2 buổi/ngày.

- Đa số học sinh có đầy đủ tài liệu học tập, SGK, đồ dùng học tập.

- Đa số học sinh có ý thức học tập tốt, bước đầu thể hiện là những nhi đồng ngoan.

- Một số học sinh là con em gia đình lao động, làm biển, làm thuê và buôn bán nhỏ nên việc quan tâm giáo dục con em còn hạn chế; còn khoán trắng việc học của con em cho giáo viên.

- Môi trường xã hội ảnh hưởng lớn đến học sinh trong lời ăn tiếng nói và cách cư xử của học sinh.

3. Về cơ sở vật chất

- Phòng học rộng rãi, thoáng mát, đủ ánh sáng và bàn ghế phù hợp với lứa tuổi học sinh, phục vụ tốt cho việc dạy và học.

II. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ TRONG NĂM 2024 – 2025

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Năm học 2024 – 2025 là năm học tiếp tục triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 6/12/2018, về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông 2018, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 2 đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo Chương trình GDPT 2018.

b) Mục tiêu cụ thể

- Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu như yêu đất nước, yêu con người; chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi (năng lực chung cho tất cả các môn học và hoạt động giáo dục góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ, tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng

tạo,...) và năng lực đặc biệt (năng khiếu) của học sinh.

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.
- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.
- Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

2. Nội dung và biện pháp thực hiện

2.1. Công tác tư tưởng, chính trị, đạo đức

a) Nội dung

- Giáo viên trong tổ nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đạo đức. Cụ thể là tích cực thực hiện 3 cuộc vận động lớn của ngành:
 - + Chống tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục; ”Nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để học sinh ngồi nhầm lớp”.
 - + Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.
 - + Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về tự học và sáng tạo.
- Hưởng ứng và tích cực thực hiện xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, học theo mô hình trường học mới.
- Học tập và thực hiện chủ đề “nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”.
- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm”.
- Luôn phấn đấu nâng cao tay nghề, thực hiện đúng phương châm “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương sáng về tự học và sáng tạo”
- Tiếp tục vận động “Dân chủ hóa trường học”, thực hiện dân chủ hóa công khai, đẩy mạnh cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình.
- Xây dựng nề nếp kiểm tra, giữ vững kỷ cương nề nếp làm việc.
- Tăng cường công tác bảo vệ cơ quan, đảm bảo an ninh trật tự và PCCC trong trường học.
- Chấp hành tốt các, chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phấn đấu để mỗi giáo viên là một tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Giáo dục học sinh theo 5 điều Bác Hồ dạy, hạn chế hiện tượng vi phạm nội quy, kỉ luật của lớp và của trường.

b) Biện pháp

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong mỗi nhiệm vụ, cương vị được giao. Không làm việc tắc trách, qua loa, chiếu lệ.

- Thực hiện nghiêm túc việc thực hiện Kế hoạch bài dạy, đánh giá học sinh theo TT27/2020. Chống tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá học sinh đúng theo phẩm chất, năng lực cần đạt. Không thỏa hiệp với các hiện tượng tiêu cực, chạy theo thành tích dẫn đến việc học sinh ngồi nhầm lớp.

- Triển khai, vận động và tăng cường giáo dục đạo đức thông qua bài giảng tự học, tự lĩnh hội kiến thức, tự làm chủ bản thân.

- Có biện pháp tuyên dương, khen thưởng hay kỉ luật kịp thời, đúng người, đúng việc, tạo động lực phát huy tính tích cực trong công tác của mỗi thành viên trong tổ.

- Đưa quy định, nề nếp, hiệu quả công tác của giáo viên và học sinh vào quy chế thi đua.

2.2. Công tác chuyên môn

a) Thời gian thực hiện Chương trình giáo dục (35 tuần)

- Học kì I: (18 tuần) bắt đầu từ ngày 09/09/2024 đến hết ngày 10/01/2025.

- Học kì II: (17 tuần) bắt đầu từ ngày 13/01/2025 đến hết ngày 31/05/2025.

b) Nội dung

- Thực hiện tốt phân phối chương trình và thời khóa biểu.

- Luôn cải tiến trong soạn giảng, soạn giảng theo đúng phân phối chương trình và yêu cầu cần đạt của mỗi chủ đề và yêu cầu cần đạt của từng tiết học cụ thể. Áp dụng công nghệ thông tin vào khâu soạn giảng cho phù hợp một số nhiệm vụ.

- Ra vào lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian tiết dạy.

- Phân loại học sinh để có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh khó khăn ngay từ đầu.

- Lên lớp đủ kế hoạch bài dạy đúng phân phối chương trình và thời khóa biểu; Tích hợp đủ các nội dung quy định vào bài dạy.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số TT27/2020.

- Sử dụng ĐDDH thường xuyên, hiệu quả để nâng cao hiệu quả giờ dạy.

- Có đủ các loại hồ sơ cá nhân quy định.

- Có chỉ tiêu thi đua cho từng giáo viên, từng bộ môn một cách cụ thể, rõ ràng để cụ thể hóa trách nhiệm cho mỗi người.

- Giáo dục học sinh có đạo đức tốt, có ý thức chuyên cần học tập và có kỹ năng sống tốt. Tăng cường rèn chữ viết cho học sinh.

- Tham gia tốt phong trào giáo viên dạy giỏi cấp trường.

- Linh động trong việc sử dụng các phương pháp lên lớp. Giảng dạy theo hướng tích cực lấy học sinh làm trung tâm, vận dụng tốt các kĩ thuật dạy học để tiết học diễn ra sôi nổi, không buồn tẻ, nhàm chán, học sinh hứng thú học tập và tiếp thu kiến thức.

- Tăng cường dự giờ đồng nghiệp, trao đổi học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao tay nghề giảng dạy.
- Tham gia học BDTX và hoàn thành các mô đun theo quy định.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân đối với từng học sinh khuyết tật và loại tật, mức độ tật cụ thể, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân.
- Xây dựng kế hoạch phối hợp, kèm cặp giáo dục học sinh; kịp thời động viên, chia sẻ giúp các em có ý thức vươn lên trong học tập.

c) Biện pháp

- Giảng dạy đúng chương trình, đúng thời khóa biểu, không tự ý bỏ tiết, đổi tiết. Ra vào lớp đúng giờ, không sử dụng di động hay làm việc riêng trong giờ dạy. Không tiếp khách, PHHS trong giờ lên lớp.
- Chú ý phân hóa đối tượng học sinh trong từng tiết dạy. Đặc biệt lưu ý học sinh có khó khăn về học tập.
- Tăng cường tổ chức các trò chơi học tập; cho học sinh múa, hát và thể dục giữa tiết học để tránh sự đơn điệu và lặp đi lặp lại.
- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: Thực hiện dạy học gắn kết giữa kiến thức được học với vận dụng vào cuộc sống; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, xây dựng thói quen hình thành nhân cách; tăng cường giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; chú trọng giáo dục kỹ năng sống; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục phòng tránh xâm hại, ...
- Tổ chức thực hiện dạy học theo hướng nghiên cứu bài học trong tổ để GV học tập, rút kinh nghiệm lẫn nhau.
- Thao giảng, dự giờ một cách nghiêm túc giúp các thành viên học hỏi, nâng cao tay nghề.
- 100% GV thực hiện giáo án điện tử ít nhất 4 tiết/năm học. Có ý thức tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới có chất lượng.
- Thực hiện tốt việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo Nghiên cứu bài học.
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc soạn, giảng của giáo viên, chấn chỉnh ngay nếu có trường hợp sai phạm về chuyên môn.

2.3. Công tác chủ nhiệm

a) Nội dung

- Giáo dục học sinh theo các chủ điểm tháng, thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy và thực hiện tốt nếp sống văn minh nơi công cộng; chuyên cần trong học tập.
- Không vi phạm nội quy của lớp của trường.
- Giáo dục học sinh biết bảo vệ cơ sở vật chất, có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh chung, sử dụng tiết kiệm điện, nước.
- Giáo dục học sinh ý thức nâng cao chất lượng học tập để nắm vững kiến thức, phát động phong trào học tốt cả ở trường và ở nhà. Biết tự quản lớp.
- Rèn luyện cho các em toàn diện cả 4 mặt: Đức, Trí, Thể, Mĩ, nhằm phát triển nhân cách tốt.
- Biết tự lao động để phục vụ bản thân. Tham gia đầy đủ các buổi SHNK.

b) Biện pháp

- Lòng ghép giáo dục học sinh vào bài giảng, vào các hoạt động NGLL.
- Phối hợp với các bộ phận như Đội TNTP, giữa GVCN và GVBM, với PHHS.
- Tuyên dương, nhắc nhở HS đúng lúc, có tác dụng.
- Đẩy mạnh hoạt động của Ban cán sự lớp (Lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng – tổ phó) giúp giáo viên kiểm tra, theo sát nề nếp, nội quy lớp, trường.
- Tận tình chỉ bảo, nhắc nhở để học sinh thực hiện đúng quy định về nề nếp. Không xúc phạm nhân cách học sinh.

2.4. Công tác khác

a) Công tác Sao nhi đồng

* **Nội dung giáo dục:** Tham gia tốt các hoạt động đội sao. Giáo dục học sinh biết tham gia các trò chơi dân gian phù hợp với lứa tuổi. Tạo môi trường thân thiện cho các em sinh hoạt theo chủ điểm. Mỗi giáo viên phần đầu là một anh, chị phụ trách năng nổ.

- Tổ chức và quản lí các hoạt động giáo dục kĩ năng sống theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định về Quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Tổ chức các loại hình hoạt động trải nghiệm gồm:

+ Sinh hoạt dưới cờ gồm hoạt động nghi lễ và các hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường, nói chuyện truyền cảm hứng; truyền thông các vấn đề xã hội như tuyên truyền các dịch bệnh, tuyên truyền chủ đề hoạt động tháng.

+ Sinh hoạt tập thể gồm tổ chức các hoạt động hành chính, sinh hoạt tập thể theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt tập thể hàng tuần, các hoạt động chung của tập thể lớp (tham quan, thi đua học tập giữa các tổ học sinh,...). Ngoài ra có thể tổ chức các hoạt động truyền thông, các thông điệp; triển khai các phong trào của nhà trường.

+ Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề. Hoạt động ngoài giờ lên lớp thường xuyên và hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ.

* Hình thức tổ chức sinh hoạt thường xuyên được thực hiện đều đặn từng tuần, thực hiện ở trường và cả ở nhà với nhiệm vụ trải nghiệm được giao như nhau đến từng học sinh.

* Hoạt động ngoài giờ lên lớp định kỳ: Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: Các hội thi, sân chơi, ngày hội của học sinh.

Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông,... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường.

Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương.

*** Biên pháp thực hiện:**

Xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường. Phối hợp với Tổng phụ trách Đội của trường xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động ngoại khóa.

Tham mưu với ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp BDD CMHS về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho tất cả học sinh toàn trường theo kế hoạch thời gian năm học của trường.

b) Chi đoàn: Phối hợp với Đội, thực hiện tốt nhiệm vụ Chi đoàn.

c) Công đoàn: Giáo viên trong tổ là một khối đoàn kết thống nhất. Thực hiện tốt và đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Biết quan tâm, giúp đỡ nhau lúc khó khăn. Sinh hoạt công đoàn đúng lịch, tham gia tốt các hoạt động công đoàn trường và công đoàn cấp trên. Đóng đoàn phí đầy đủ.

III. CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Học sinh (Đánh giá chất lượng năm)

1.1. Đánh giá kết quả giáo dục HS theo 4 mức:

Lớp	SS/nữ	HT xuất sắc		HT Tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2/1	42/22	21	47,7	7	15,9	16	36,4	/	/
2/2	43/20	21	47,7	7	15,9	16	36,4	/	/
2/3	40/20	20	47,6	6	14,3	15	35,7	1	2,4
2/4	40/21	19	46,3	6	14,6	16	39,1	/	/
TC	165/83	81	47,4	26	15,2	63	36,8	1	0,6

- + Hoàn thành chương trình lớp 1: 165 em – tỉ lệ 100%.
- + HS kiểm tra lại: 0
- + Hoàn thành chương trình lớp 2 sau kiểm tra lại lần 2: 0
- + Chưa hoàn thành chương trình lớp 2: 0

1.2. Bảng chỉ tiêu học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng lớp cụ thể

a) Các môn học và hoạt động giáo dục

KHỐI 2	SSHS	Tiếng Việt			Toán			Đạo đức			Mỹ thuật-Âm nhạc			Thể chất		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
2/1	42/22	25	17	/	25	17	/	30	12	/	25	17	/	30	12	/
2/2	43/20	26	17	/	26	17	/	30	13	/	26	17	/	30	13	/
2/3	40/20	24	16	/	24	16	/	29	11	/	25	15	/	30	10	/
2/4	40/21	24	16	/	24	16	/	29	11	/	25	15	/	30	10	/
TC	165/83	99	66	0	99	66	0	118	47	0	101	64	0	120	45	0

KHỐI 2	SSHS	Tiếng Anh			TNXH			HĐTN		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
2/1	42/22	25	17	/	30	12	/	30	12	/
2/2	43/20	26	17	/	30	13	/	30	13	/
2/3	40/20	24	16	/	29	11	/	29	11	/
2/4	40/21	24	16	/	29	11	/	29	11	/
TC	165/83	99	66	0	118	47	0	118	47	/

b) Đánh giá Phẩm chất

KHỐI 2	SSHS	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
2/1	42/22	42	/	/	42	/	/	30	12	/	30	12	/	30	12	/
2/2	43/20	43	/	/	43	/	/	30	13	/	30	13	/	30	13	/
2/3	40/20	40	/	/	40	/	/	29	11	/	29	11	/	29	11	/
2/4	40/21	40	/	/	40	/	/	29	11	/	29	11	/	29	11	/
TC	165/83	165	0	0	165		/	118	47	0	118	47	0	118	47	0

c) Đánh giá Năng lực

KHỐI 2	SSHS	Tự chủ và tự học			Giao tiếp và hợp tác			GQVĐ và sáng tạo		
		Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG	Tốt	Đạt	CCG
2/1	42/22	30	12	/	30	12	/	30	12	/
2/2	43/20	30	13	/	30	13	/	30	13	/
2/3	40/20	29	11	/	29	11	/	29	11	/
2/4	40/21	29	11	/	29	11	/	29	11	/
TC	165/83	118	47	0	118	47	0	118	47	0

1.3. Vỡ sạch chữ đẹp

KHỐI 2	SSHS	Xếp loại A		Xếp loại B		Xếp loại C	
		SL	%	SL	%	SL	%
2/1	42/22	21	50	18	42.9	3	7.1
2/2	43/20	22	51.2	18	41.9	3	7.0
2/3	40/20	20	50	17	42.2	3	7.5
2/4	40/21	20	50	17	42.5	3	7.5
TC	165/83	83	50.3	70	42.4	12	7.3

1.4. Một số chỉ tiêu khác

- Duy trì sĩ số : 100%
- Lớp tiên tiến : 25%
- Lớp TTXS : 75%
- Lớp có VSCĐ : 1 lớp / khối
- Thi viết chữ đẹp : 1 em/ lớp
- 70% lớp xếp loại tốt về trang trí lớp học.
- CNBH : 80%

2. Chỉ tiêu từng lớp

2.1. Lớp 2/1 (ss 42)

Các môn học và hoạt động giáo dục	LỚP 2/1					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	25	59,5	17	40,5	/	/
Toán	25	59,5	17	40,5	/	/
TN-XH	30	71,4	12	28,6	/	/
Đạo đức	30	71,4	12	28,6	/	/
HĐTN	30	71,4	12	28,6	/	/
Âm nhạc	25	59,5	17	40,5	/	/
Mĩ thuật	25	59,5	17	40,5	/	/
GDTC	30	71,4	12	28,6	/	/
Tiếng Anh	25	59,5	17	40,5	/	/

a) Phẩm chất

Phẩm chất	LỚP 2/1					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	42	100	/	/	/	/
Nhân ái	42	100	/	/	/	/
Chăm chỉ	30	71,4	12	28,6	/	/
Trung thực	30	71,4	12	28,6	/	/
Trách nhiệm	30	71,4	12	28,6	/	/

b) Năng lực

Năng lực	LỚP 2/1					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	30	71,4	12	28,6	/	/
Giao tiếp và hợp tác	30	71,4	12	28,6	/	/
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	30	71,4	12	28,6	/	/
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	25	59,5	17	40,5	/	/
Tính toán	25	59,5	17	40,5	/	/
Khoa học	25	59,5	17	40,5	/	/
Thẩm mỹ	25	59,5	17	40,5	/	/
Thể chất	30	71,4	12	28,6	/	/

c) Đánh giá kết quả GDHS theo 4 mức

TSHS	LỚP 2/1							
	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
44/25	20	47,6	6	14,3	16	38,1	/	/

2.2. Lớp 2/2 (ss 43)

Các môn học và hoạt động giáo dục	LỚP 2/2					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	26	60,5	17	39,5	/	/
Toán	26	60,5	17	39,5	/	/
TN-XH	30	69,8	13	30,2	/	/
Đạo đức	30	69,8	13	30,2	/	/
HĐTN	30	69,8	13	30,2	/	/
Âm nhạc	26	60,5	17	39,5	/	/
Mĩ thuật	26	60,5	17	39,5	/	/
GDTC	30	69,8	13	30,2	/	/
Tiếng Anh	26	60,5	17	39,5	/	/

a) Phẩm chất

Phẩm chất	LỚP 2/2					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	43	100	/	/	/	/
Nhân ái	43	100	/	/	/	/
Chăm chỉ	30	69,8	13	30,2	/	/
Trung thực	30	69,8	13	30,2	/	/
Trách nhiệm	30	69,8	13	30,2	/	/

b) Năng lực

Năng lực	LỚP 2/2					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	30	69,8	13	30,2	/	/
Giao tiếp và hợp tác	30	69,8	13	30,2	/	/
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	30	69,8	13	30,2	/	/
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	26	60,5	17	39,5	/	/
Tính toán	26	60,5	17	39,5	/	/
Khoa học	26	60,5	17	39,5	/	/
Thẩm mỹ	26	60,5	17	39,5	/	/
Thể chất	30	69,8	13	30,2	/	/

c) Đánh giá kết quả GDHS theo 4 mức

TSHS	LỚP 2/2							
	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
44/27	21	48,8	6	14,0	16	37,2	/	/

2.3. Lớp 2/3 (ss 40)

Các môn học và hoạt động giáo dục	LỚP 2/3					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	24	60.0	16	40.0		
Toán	24	60.0	16	40.0		
Đạo đức	29	72.5	11	27.5		
Tự nhiên xã hội	29	72.5	11	27.5		
HĐ trải nghiệm	29	72.5	11	27.5		
Tiếng Anh	24	60.0	16	40.0		
Âm nhạc	25	62.5	15	37.5		
Mĩ thuật	25	62.5	15	37.5		
Gd thể chất	30	75.0	10	25.0		

a) Phẩm chất

Phẩm chất	LỚP 2/3					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	40	100				
Nhân ái	40	100				
Chăm chỉ	29	72.5	11	27.5		
Trung thực	29	72.5	11	27.5		
Trách nhiệm	29	72.5	11	27.5		

b) Năng lực

Năng lực	LỚP 2/3					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	29	72,5	11	27,5	/	/
Giao tiếp - hợp tác	29	72,5	11	27,5	/	/
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	29	72,5	11	27,5	/	/
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	24	60,0	16	40,0	/	/
Tính toán	24	60,0	16	40,0	/	/
Khoa học	29	72,5	11	27,5	/	/
Thẩm mỹ	25	62,5	15	37,5	/	/
Thể chất	30	75,0	10	25,0	/	/

c) Đánh giá kết quả GDHS theo 4 mức

TSHS	LỚP 2/3							
	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
40/20	19	47,5	6	15,0	15	37,5		

2.4. Lớp 2/4(ss 40)

Các môn học và hoạt động giáo dục	LỚP 2/4					
	HTT		HT		CHT	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	24	60,0	16	40,0		
Toán	24	60,0	16	40,0		
Đạo đức	29	72,5	11	27,5	/	/
Tự nhiên xã hội	29	72,5	11	27,5	/	/
Hoạt động trải nghiệm	29	72,5	11	27,5	/	/
Tiếng Anh	24	60,0	16	40,0	/	/
Âm nhạc	25	62,5	15	37,5	/	/
Mĩ thuật	25	62,5	15	37,5	/	/
Gd thể chất	30	75,0	10	25,0	/	/

a) Phẩm chất

Phẩm chất	LỚP 2/4					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	40	100			/	/
Nhân ái	40	100			/	/
Chăm chỉ	29	72,5	11	27,5	/	/
Trung thực	29	72,5	11	27,5	/	/
Trách nhiệm	29	72,5	11	27,5	/	/

b) Năng lực

Năng lực	LỚP 2/4					
	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Năng lực chung						
Tự chủ và tự học	29	72,5	11	27,5	/	/
Giao tiếp và hợp tác	29	72,5	11	27,5	/	/
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	29	72,5	11	27,5	/	/
Năng lực đặc thù						
Ngôn ngữ	24	60,0	16	40,0		
Tính toán	24	60,0	16	40,0		
Khoa học	29	72,5	11	27,5	/	/
Thẩm mỹ	25	62,5	15	37,5	/	/
Thể chất	30	75,0	10	25,0	/	/

c) Đánh giá kết quả GDHS theo 4 mức

TSHS	LỚP 2/4							
	Hoàn thành Xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
41/19	19	47,5	6	15,0	15	37,5	/	/

3. Giáo viên**a) Tư tưởng, chính trị, tổ chức****100% GV trong tổ thực hiện:**

- Không vi phạm chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước.
- Không vi phạm kỉ luật lao động, quy chế làm việc của nhà trường, quy chế văn hóa ứng xử trong cơ quan.
- Không vi phạm Kế hoạch giảng dạy, quy chế chuyên môn của trường, của ngành.
- Không vi phạm “Quy chế dân chủ”.
- Không vi phạm “Dạy thêm, học thêm” trong và ngoài nhà trường.
- Không vi phạm kế hoạch hóa gia đình (không sinh con thứ 3).

b) Chỉ tiêu về chuyên môn

- Nghiên cứu bài học: 4 NC/năm học
- Xây dựng đội ngũ giáo viên: Giỏi, vững mạnh.
- Thao giảng, hội giảng: 2tiết/GV/năm.
- Dự giờ: 18 tiết/GV (TTCM: 20 tiết): HKI: 10 tiết/GV; HKII: 10 tiết/GV
- Sử dụng ĐDDH: 20 lượt/GV/tháng.
- Làm mới ĐDDH: 2 ĐD/Tổ/năm học, 2 ĐD/cá nhân/năm học
- Không có giáo viên trình độ giảng dạy yếu, kém.
- 100% GV làm công tác chủ nhiệm tốt.
- 100% GV đạt GVDG giỏi cấp trường.

c) Chỉ tiêu thi đua Tổ

- 100% GV đạt LĐTT.
- 100% GV tham gia đầy đủ các phong trào.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**1. Đối với Tổ trưởng**

- Xây dựng tổ chuyên môn đoàn kết, dân chủ.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục trong tổ theo chỉ đạo của Nhà trường, cùng mọi người trong tổ thực hiện chung mọi công việc.
- Xây dựng Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đúng theo quy định.
- Điều hành tổ chuyên môn thực hiện các hoạt động hội thi, phong trào thi đua dạy tốt học tốt trong năm học.
- Tham mưu tiêu chí thi đua trong nhà trường.
- Theo dõi và đánh giá việc thực hiện giáo dục của các giáo viên trong tổ ở các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ.
- Tăng cường công tác dự giờ, giám sát, kiểm tra để phát hiện, điều chỉnh những việc chưa hợp lý và tuyên dương những cá nhân, trong tổ khối tích cực, sáng tạo. Rút kinh nghiệm, hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời cho tất cả cá nhân, trong tổ khối về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.
- Thường xuyên theo dõi, nhắc nhở thực hiện theo kế hoạch để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, hạn chế nhằm giúp các thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục.

2. Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tích cực sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm thực hiện tốt việc quản lí và giáo dục học sinh.
- Đảm bảo nội dung giáo dục theo Kế hoạch dạy học đã xây dựng (35 tuần).
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

Trên đây là kế hoạch hoạt động năm học 2024 – 2025 của tổ 2 trường Tiểu học Vĩnh Thọ. Kế hoạch này đã được tập thể giáo viên trong tổ đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và đi đến thống nhất cao. Đây là cơ sở để tổ 2 thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2024 – 2025./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- Lưu: Hồ sơ tổ.

**DUYỆT KẾ HOẠCH
HIỆU TRƯỞNG**

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Nguyễn Trang Kiều Diễm

Nguyễn Thị Thanh Hiệp